TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST.
Ngày: 15-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thu Hương

2. Bà Tạ Thị Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NN.

Địa chỉ: Số A, LH, Quận BĐ, HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Tr - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh thành phố TĐ, tỉnh NB. (Theo quyết định về việc ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng NN).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Phan Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NK Ngân hàng NN - Chi nhánh thành phố TĐ, tỉnh NB (Theo quyết định về việc ủy quyền số 03/2019/UQL-NK ngày 25/6/2019 của Giám đốc Ngân hàng NN - Chi nhánh thành phố TĐ, tỉnh NB). (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Đỗ Viết H, sinh năm 1963, địa chỉ: Số nhà B, đường QT, Tổ C, phường TS, thành phố TĐ. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, địa chỉ: Số nhà B, đường QT, Tổ C, phường TS, thành phố TĐ. (vắng mặt)

3. Người làm chứng:

- Chị Đỗ Thị Lan Hương; địa chỉ: Số nhà B, đường QT, Tổ C, phường TS, thành phố TĐ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2019, bản khai ngày 06 tháng 8 năm 2019, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn (Ngân hàng NN) là bà Phan Thị Thu H trình bày:

Nguyên đơn có ký với bị đơn (ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T) hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018 với nội dung: Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để chăn nuôi bò sinh sản, với thời hạn vay là 60 tháng, định kỳ trả gốc và lãi là 12 tháng, cụ thể như sau: Ngày 17/4/2019 trả lãi phát sinh và số tiền gốc là 100.000.000 đồng; ngày 17/4/2020 trả lãi phát sinh và số tiền gốc là 100.000.000 đồng; ngày 17/4/2021 trả lãi phát sinh và số tiền gốc là 200.000.000 đồng; ngày 17/4/2022 trả lãi phát sinh và số tiền gốc là 200.000.000 đồng; ngày 17/4/2023 trả lãi phát sinh và số tiền gốc là 400.000.000 đồng. Về lãi suất các bên thỏa thuận phương thức áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận có điều chỉnh tăng lãi suất cho vay tương ứng với sự biến động lãi suất trên thị trường và phù hợp với quy định của Ngân hàng cấp trên, theo đó lãi suất trong hạn từ ngày 17/4/2018 đến ngày 16/9/2018 là 11,5%/năm, kể từ ngày 17/9/2018 là 12,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay không trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được bên cho vay chấp thuận cho cơ cấu lại nợ thì số dư nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được của hợp đồng tín dụng phải chuyển sang nợ quá hạn, theo đó bên vay phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn. Về quyền đòi nợ trước hạn, hợp đồng cũng có nội dung: Khi bên vay vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thì bên cho vay có quyền thu hồi khoản nợ vi phạm trước hạn, nếu không thu hồi được phần dư nợ gốc vi phạm và lãi tương ứng, khoản nợ gốc, lãi vi phạm phải chuyển sang nợ quá hạn, theo đó bên vay phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn theo quy định của hợp đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, bên vay đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018, cụ thể tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 130m^2 đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, lập năm 1999, có địa chỉ tại Tổ C, phường TS, thành phố TĐ, đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Tam Điệp cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AI 743097 ngày 31/8/2007, mang tên ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 3 (tổng diện tích sử dụng 160m^2, tổng diện tích xây dựng 160m^2). Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TĐ vào ngày 16 tháng 4 năm 2018, theo đó nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên cho vay có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Hiện nay, tài sản thế chấp nêu trên không có liên quan đến người thứ ba. So với thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản thì nhà ở không có cơi nới, sửa chữa gì.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 17/4/2018, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho bị đơn. Bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 70.394.444 đồng (bẩy mươi triệu ba trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tiền lãi qua các chứng từ giao dịch cụ thể như sau: Ngày 18/5/2018 trả lãi 9.583.333 đồng, ngày 21/6/2018 trả lãi 9.902.778 đồng, ngày 30/7/2018 trả lãi 9.583.333 đồng, ngày 30/8/2018 trả lãi 9.902.778 đồng, ngày 01/10/2018 trả lãi 9.902.778 đồng, ngày 30/10/2018 trả lãi 10.583.333 đồng, ngày 21/12/2018 trả lãi 10.936.111 đồng. Như vậy, đến ngày 17/4/2019, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán 100.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ số tiền lãi phát sinh là 51.575.419 đồng (bằng 121.969.863 đồng tiền lãi phải trả - 70.394.444 đồng tiền lãi đã trả), kể từ ngày 17/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn cũng không thanh toán tiền gốc, lãi cho nguyên đơn.

Kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, nguyên đơn đã liên tục có thông báo và công văn đôn đốc nợ nhưng bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương và cũng không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới cho nguyên đơn. Vì vậy, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do bị đơn vi phạm nội dung hợp đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2019, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 198.305.562 đồng tiền lãi, trong đó đã trả 70.394.444 đồng tiền lãi, còn phải trả tiếp 127.911.118 đồng tiền lãi. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2019 là 1.127.911.118 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa trả là 127.911.118 đồng (bao gồm: lãi trong hạn là 118.276.515 đồng, lãi quá hạn là 9.634.603 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/11/2019 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 130m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, lập năm 1999 có địa chỉ tại Tổ C, phường TS, thị xã (nay là thành phố) TĐ, tỉnh NB, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 743097 do UBND thị xã (nay là thành phố) Tam Điệp cấp ngày 31/8/2007 mang tên ông Đỗ Viết H, bà Nguyễn Thị T và tài

sản trên đất là 01 căn nhà cấp 3 (tổng diện tích sử dụng 160m^2, tổng diện tích xây dựng 160m^2), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018.

* Do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận và công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự. Điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T phải trả tổng số tiền tính đến ngày 15/11/2019 là 1.127.911.118 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi chưa trả là 127.911.118 đồng (bao gồm: lãi trong hạn là 118.276.515 đồng, lãi quá hạn là 9.634.603 đồng).

Kể từ ngày 16/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay của bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau: Quyền sử dụng đất diện tích 130m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 743097 do UBND thị xã (nay là thành phố) TĐ cấp ngày 31/8/2007 mang tên ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T, tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, lập năm 1999, có địa chỉ tại Tổ C, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 3 (tổng diện tích sử dụng 160m^2, tổng diện tích xây dựng

160m^2), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018.

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng NN khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà B, đường QT, Tổ C, phường TS, thành phố TĐ, theo đúng địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông H, bà T và xác nhận của Công an phường TS, thành phố TĐ. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp.

[2] Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018, được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, ngày 28/10/2019, Hội đồng xét xử đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ra Quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 29/10/2019, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa, do vậy bị đơn phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản:

Nội dung Hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018 với các nội dung về số tiền vay,

lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất, kỳ hạn trả nợ được các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Tổ chức tín dụng. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018, tại thời điểm giao kết nguyên đơn có đầy đủ tư cách pháp nhân. Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản trên đất (là bị đơn trong vụ án) đã đồng ý dùng tài sản của mình để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của mình đối với nguyên đơn. Các bên tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018 được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[4] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 3304LAV 2018 00522 ngày 16/4/2018 hai bên đã thỏa thuận nội dung trả nợ gốc, lãi tiền vay như sau:

"2. Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên B không trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được bên A chấp thuận cho cơ cấu lại nợ thì số dư nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được của hợp đồng tín dụng phải chuyển sang nợ quá hạn, theo đó bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Hợp đồng này.

....

4. Khi bên B có vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này bên A có quyền thu hồi khoản nợ vi phạm trước hạn, nếu không thu hồi được phần dư nợ gốc vi phạm và lãi tương ứng, khoản nợ gốc, lãi vi phạm phải chuyển sang nợ quá hạn, theo đó bên B phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Hợp đồng này."

Căn cứ vào các chứng từ giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 17/4/2018 của nguyên đơn, các chứng từ nộp tiền lãi: Ngày 18/5/2018 trả lãi 9.583.333 đồng, ngày 21/6/2018 trả lãi 9.902.778 đồng, ngày 30/7/2018 trả lãi 9.583.333 đồng, ngày 30/8/2018 trả lãi 9.902.778 đồng, ngày 01/10/2018 trả lãi 9.902.778 đồng, ngày 30/10/2018 trả lãi 10.583.333 đồng, ngày 21/12/2018 trả lãi 10.936.111 đồng của bị đơn và các văn bản đôn đốc nợ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ với nguyên đơn theo như cam kết tại hợp đồng, cụ thể là đến ngày 17/4/2019 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán 100.000.000 đồng tiền gốc và (121.969.863 đồng tiền lãi phải trả -

70.394.444 đồng tiền lãi đã trả) = 51.575.419 đồng tiền lãi chưa trả, kể từ ngày 17/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn cũng không thanh toán tiền gốc, lãi cho nguyên đơn.

Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ khoản tiền gốc 1.000.000.000 đồng (bao gồm 100.000.000 đồng đến hạn và 900.000.000 đồng chưa đến hạn) và lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018 là có căn cứ, đúng pháp luật và nội dung các bên cam kết theo khoản 2 và khoản 4 Điều 5 của hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018.

Đối với khoản nợ gốc: Ngày 17/4/2018, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng cho bị đơn, đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn chưa thanh toán được bất kỳ khoản nợ gốc nào, do vậy căn cứ Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng

Đối với khoản lãi: Các bên thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và Điều 1 phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018, theo đó lãi suất trong hạn từ ngày 17/4/2018 đến ngày 16/9/2018 là 11,5%/năm, kể từ ngày 17/9/2018 là 12,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Do đó, số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc đến ngày xét xử sơ thẩm được tính như sau:

Lãi trong hạn của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 17/4/2018 đến ngày 16/9/2018, cụ thể là: 1.000.000.000 đồng x 11,5%/365 ngày x 153 ngày = 48.205.479 đồng.

Lãi trong hạn của số tiền gốc 1.000.000.000 đồng kể từ ngày 17/9/2018 đến ngày 16/4/2019, cụ thể là: 1.000.000.000 đồng x 12,7%/365 ngày x 212 ngày = 73.764.384 đồng.

Lãi trong hạn của số tiền gốc 900.000.000 đồng (chưa đến hạn thanh toán) kể từ ngày 17/4/2019 đến ngày 15/11/2019, cụ thể là: 900.000.000 đồng x 12,7%/365 ngày x 213 ngày = 66.701.096 đồng.

Lãi quá hạn của số tiền gốc 100.000.000 đồng (đã quá hạn thanh toán) kể từ ngày 17/4/2019 đến ngày 15/11/2019, cụ thể là: 100.000.000 đồng x 12,7%/365 x 130% x 213 ngày = 9.634.603 đồng.

Tổng tiền lãi là 198.305.562 đồng, đã trả 70.394.444 đồng, còn lại 127.911.118 đồng chưa trả.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi chưa trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/11/2019 là 127.911.118 đồng (bao gồm: Lãi trong hạn là 118.276.515 đồng, lãi quá hạn là 9.634.603 đồng).

Kể từ ngày 16/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật. Tại các biên bản xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại chính quyền địa phương, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố TĐ và lời khai của người làm chứng thì tài sản thế chấp nêu trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn, không phải sở hữu, sử dụng của hộ gia đình, hiện nay còn nguyên vẹn, không thay đổi, biến động gì so với thời điểm thế chấp tài sản và không có bên thứ ba liên quan đến tài sản thế chấp.

Do vậy, trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau: Quyền sử dụng đất diện tích 130m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, lập năm 1999 có địa chỉ tại Tổ C, phường TS, thị xã (nay là thành phố) TĐ, tỉnh NB, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 743097 do UBND thành phố Tam Điệp cấp ngày 31/8/2007 mang tên ông Đỗ Viết H, bà Nguyễn Thị T và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 3 (tổng diện tích sử dụng 160m^2, tổng diện tích xây dựng 160m^2), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018.

[7] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền (36.000.000 đồng + 3% x 327.911.118 đồng = 45.837.333,5 đồng), làm tròn 45.837.000 đồng.

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN.

2. Buộc ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng NN số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018 với tổng số tiền tính đến ngày 15/11/2019 là 1.127.911.118 đồng (một tỷ một trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm mười tám đồng), trong đó:

- Tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

- Tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc chưa trả là 127.911.118 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm mười tám đồng), bao gồm: Lãi trong hạn là 118.276.515 đồng, lãi quá hạn là 9.634.603 đồng.

3. Kể từ ngày 16/11/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304LAV201800522 ngày 16/4/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 16/9/2018, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trường hợp ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng NN thì Ngân hàng NN. có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là Quyền sử dụng đất diện tích 130m^2 tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 30, lập năm 1999, có địa chỉ tại Tổ C, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình, đã được UBND thị xã (nay là thành phố) TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 743097 ngày 31/8/2007 mang tên ông Đỗ Viết H, bà Nguyễn Thị T và tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp 3 (tổng diện tích sử dụng 160m^2, tổng diện tích xây dựng 160m^2), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304LCL201800382 ngày 16/4/2018.

5. Về án phí: Ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 45.837.000 đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng NN số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 22.169.000 đồng (hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi

chín nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0001416 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

6. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng NN có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Viết H và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thành Trung